

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 19 -6- 2019

Về việc: Tranh chấp ly hôn, chia tài
sản chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Thẩm phán: Ông Hà Thanh Hùng.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huỳnh L, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp Tân L, xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trung B, sinh năm 1993; cư trú tại: Ấp Nam C, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị T; cư trú tại: Ấp Nam C, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người kháng cáo: Anh Phạm Trung B – Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Huỳnh L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh B kết hôn vào ngày 19/12/2016 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Anh, chị đã ly thân từ ngày 23 tháng 9 năm 2018 (al) nguyên nhân là do anh B cộc cằn, gia trưởng, quản lý tiền bạc trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh B có đánh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh B.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có 10 chỉ vàng 24k và 02 chỉ vàng 18k; tiền hụi 8.994.000 đồng, khi hốt hụi chị L có đưa anh B số tiền 7.000.000 đồng, ngày anh chị ly thân, trước khi đi chị L đưa anh B quản lý số tiền còn lại là 1.994.000 đồng; tiền vợ chồng dành dụm được khi đi làm ở Bình Dương là 27.929.000 đồng. Tất cả số tài sản này do anh B quản lý. Khi ly hôn chị L yêu cầu chia đôi toàn bộ số vàng và số tiền 27.929.000 đồng. Đối với số tiền hụi 8.994.000 đồng, chị L xin hưởng toàn bộ.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Trung Bê trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian đăng ký kết hôn theo chị L trình bày là đúng. Anh, chị đã ly thân từ ngày 22 tháng 9 năm 2018 (al) cho đến nay. Anh B thừa nhận có cộc cằn, gia trưởng, có đánh chị 01 bạt tai. Anh B xác định ngày chị L bỏ đi là do chị L kiểm tra tiền không kỹ bị mất 50.000 đồng, anh có mắng chị L ngu nên chị L điện thoại mẹ ruột chị xuống và rước chị về. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị L anh B không đồng ý vì còn thương vợ.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Đối với số vàng anh B thống nhất với lời trình bày của chị L. Nhưng anh B xác định, khi chị L bỏ nhà đi, anh bán 05 chỉ vàng 24k và cầm 05 chỉ (sau đó bán) để đi tìm chị L. Còn 02 chỉ vàng 18k anh đang quản lý. Anh B không đồng ý chia cho chị L.

Đối với số tiền hụi: Anh B có biết việc chị L tham gia hụi do mẹ anh làm đầu thảo, nhưng khi chị L hốt hụi không đưa số tiền trên cho anh.

Đối với số tiền vợ chồng đi làm dành dụm được 25.000.000 đồng trong tài khoản của anh B. Khi vợ chồng con chung sống anh rút hết số tiền trên, chị L không biết. Anh chỉ xài trong sinh hoạt chung của vợ chồng đã hết nên không còn để phân chia.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà T: Bà T xác định chị L có tham gia chơi 04 chung hụi do bà làm đầu thảo, chị L đã hốt hết 04 chung hụi này và bà đã giao đủ số tiền trên cho chị L. Bà xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh L. Chị Nguyễn Thị Huỳnh L được ly hôn với anh Phạm Trung B.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huỳnh L và anh Phạm Trung B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Huỳnh L được hưởng 05 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng 18k và số tiền 12.500.000 đồng. Buộc anh Phạm Trung B có trách nhiệm giao lại cho chị Nguyễn Thị Huỳnh L 05 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng 18k và số tiền 12.500.000 đồng.

Anh Phạm Trung B được hưởng 05 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng 18k và số tiền 12.500.000 đồng (anh B đang quản lý).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huỳnh L yêu cầu xin hưởng toàn bộ số tiền hụi 8.994.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/3/2019, anh Phạm Trung B có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24k và số tiền 25.000.000 đồng.

Tại phiên tòa: Các đương sự có mặt tại phiên tòa vẫn bảo lưu ý kiến như trình bày trên; anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem

xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]: Xét kháng cáo của anh B với nội dung: Không đồng ý ly hôn với chị L; không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24k và số tiền 25.000.000 đồng.

[1.1]. Xem xét về nội dung kháng cáo không đồng ý ly hôn: Hồ sơ thể hiện chị L, anh B kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có lập thủ tục đăng ký đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa hai đương sự được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Trong thời kỳ hôn nhân đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly thân từ tháng 9/2018. Thời gian ly thân cũng như quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án thì hai đương sự không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn, về phía chị L cương quyết ly hôn vì cho rằng không thể hàn gắn được vì mâu thuẫn trầm trọng. Nhận thấy, muốn đạt được hạnh phúc trong hôn nhân thì cả hai người phải cùng có thiện chí, cùng xây dựng. Nhưng chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc gia đình. Vì vậy, cấp sơ thẩm căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L ly hôn với anh B là có căn cứ. Cho nên yêu cầu kháng cáo của anh B về việc không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L không được chấp nhận.

[1.2]. Xem xét về nội dung kháng cáo không đồng ý chia 10 chỉ vàng 24k và số tiền 25 triệu đồng

Chị L, anh B đều xác nhận 10 chỉ vàng và 25 triệu đồng là tài sản chung của vợ chồng. Tại thời điểm ly thân anh B quản lý toàn bộ tài sản. Anh B không đồng ý chia cho chị L $\frac{1}{2}$ vì lý do đã bán hết 10 chỉ vàng 24k để đi tìm chị L và số tiền 25 triệu đồng để trong tài khoản của anh B nên anh đã tự rút tiền sử dụng lúc vợ chồng còn chung sống. Lời khai này cấp sơ thẩm không chấp nhận là có cơ sở bởi vì anh B quản lý 10 chỉ vàng đã bán chi tiêu hết và số tiền 25 triệu đồng cũng đã chi xài hết khi không có sự đồng ý của chị L, chị L không biết anh B sử dụng vào việc gì, nhưng anh B không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã sử dụng tài sản vào mục đích chung của vợ chồng cho nên phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được. Căn cứ Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình thì tài sản chung của chị L, anh B được chia đôi là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B về việc không đồng ý chia tài sản chung.

[2]. Từ những phân tích trên, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh B; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[3]. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Phù hợp với nội dung như nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm anh B phải chịu, được đối trừ đã nộp tạm ứng án phí.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh B về việc không đồng ý ly hôn và chia tài sản chung.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 32/2019/HNGĐ-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Huỳnh L. Chị Nguyễn Thị Huỳnh L được ly hôn với anh Phạm Trung B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Huỳnh L được hưởng 05 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng 18k và số tiền 12.500.000 đồng. Buộc anh Phạm Trung B có trách nhiệm giao lại cho chị L 05 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng 18k và số tiền 12.500.000 đồng.

Anh Phạm Trung B được hưởng 05 chỉ vàng 24k; 01 chỉ vàng 18k và số tiền 12.500.000 đồng (anh B đang quản lý).

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huỳnh L yêu cầu xin hưởng toàn bộ số tiền hụi 8.994.000 đồng.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 008833 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị L phải chịu 1.664.500 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 1.079.000 đồng tại biên lai thu tiền số 008834 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được đối trừ và phải nộp tiếp 585.500 đồng. Anh B phải chịu 1.664.500 đồng (chưa nộp).

Án phí phúc thẩm: Anh B phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0009227 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hiền

